

148/2018 VIET NAM - NORTH EAST COAST - HAI PHONG - Coastline, Floating dock, Depth, Jetty.

Source: Viet Nam Maritime Safety - North, Notice No. 201/2018/TBHH-TCTBDATHH MB

222/2018/TBHH-TCTBDATHH MB

Chart - VN50008 [*previous update 145/2018*]

Insert	coastline, single firm line, joining:	(a) 20°51.31'N 106°44.37'E (existing coastline) 20°51.34'N 106°44.30'E
		(b) 20°51.34'N 106°44.30'E (existing coastline)
	floating dock, centred on:	20°51.36'N 106°44.29'E
	depth, 8 ₅	20°51.34'N 106°44.34'E
	depth, 4 ₁ , enclosed by 5m approximate contour	20°51.34'N 106°44.30'E
	jetty, double firm line, width 10m, joining:	20°52.59'N 106°42.38'E (existing coastline)
		20°52.59'N 106°42.36'E
	depth, 1 ₄	20°52.58'N 106°42.34'E
Delete	former coastline, single firm line, joining:	(a) 20°51.31'N 106°44.37'E
		(b) 20°51.34'N 106°44.30'E
	depth, 4, and associated 5m contour	20°51.33'N 106°44.35'E
	depth, 4 ₆	20°52.60'N 106°42.35'E

Chart - VN40001 [*previous update 146/2018*]

Insert	coastline, single firm line, joining:	(a) 20°51.31'N 106°44.37'E (existing coastline) 20°51.34'N 106°44.30'E
		(b) 20°51.34'N 106°44.30'E (existing coastline)
	floating dock, centred on:	20°51.36'N 106°44.29'E
	jetty, single firm line, joining:	20°52.60'N 106°42.38'E (existing coastline)
		20°52.60'N 106°42.36'E
Delete	former coastline, single firm line, joining:	(a) 20°51.31'N 106°44.37'E
		(b) 20°51.34'N 106°44.30'E

(All positions are referred to WGS84 Datum)

148/2018 VIỆT NAM - BỜ BIỂN ĐÔNG BẮC BỘ - HẢI PHÒNG - Viên bờ , Ụ nổi , Độ sâu , Cầu tàu dạng bến nhô.

Nguồn: Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc, Thông báo số. 201/2018/TBHH-TCTBĐATHH MB
222/2018/TBHH-TCTBĐATHH MB

Hải đồ - VN50008 [cập nhật trước 145/2018]

Chèn	đường bờ, đường nét đơn, nổi:	(a) 20°51.31'N 106°44.37'E (đường bờ đã tồn tại) 20°51.34'N 106°44.30'E (b) 20°51.34'N 106°44.30'E (đường bờ đã tồn tại)
	ụ nổi, tâm đặt tại:	20°51.36'N 106°44.29'E
	độ sâu, 8 ₅	20°51.34'N 106°44.34'E
	độ sâu, 4 ₁ , bao quanh bởi đường đồng mức 5m	20°51.34'N 106°44.30'E
	cầu tàu dạng bến nhô, đường nét đôi, độ rộng 10m, nổi:	20°52.59'N 106°42.38'E (đường bờ đã tồn tại) 20°52.59'N 106°42.36'E
	độ sâu, 1 ₄	20°52.58'N 106°42.34'E
Xóa	đường bờ cũ, đường nét đơn, nổi:	(a) 20°51.31'N 106°44.37'E (b) 20°51.34'N 106°44.30'E
	độ sâu, 4 , và đường đồng mức 5m đi kèm	20°51.33'N 106°44.35'E
	độ sâu, 4 ₆	20°52.60'N 106°42.35'E

Chart - VN40001 [cập nhật trước 146/2018]

Chèn	đường bờ, đường nét đơn, nổi:	(a) 20°51.31'N 106°44.37'E (đường bờ đã tồn tại) 20°51.34'N 106°44.30'E (b) 20°51.34'N 106°44.30'E (đường bờ đã tồn tại)
	ụ nổi, tâm đặt tại:	20°51.36'N 106°44.29'E
	cầu tàu dạng bến nhô, đường nét đơn, nổi:	20°52.60'N 106°42.38'E (đường bờ đã tồn tại) 20°52.60'N 106°42.36'E
Xóa	đường bờ cũ, đường nét đơn, nổi:	(a) 20°51.31'N 106°44.37'E (b) 20°51.34'N 106°44.30'E

(Tất cả các vị trí được tham chiếu theo hệ tọa độ WGS84)